

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2
và bán niên cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 8) là ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Hội đồng Quản trị	Bà Mai Kiều Liên Ông Trịnh Quốc Dũng Ông Trần Chí Sơn	Chủ tịch Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trịnh Quốc Dũng Ông Nguyễn Đăng Khoa Ông Lê Huy Bích	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Tài chính
Trụ sở đăng ký	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất quý đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất quý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất quý được trình bày từ trang 3 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất quý đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.793.756.639.448	1.612.404.600.254
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	227.462.857.274	61.433.249.288
Tiền	111		100.462.857.274	27.433.249.288
Các khoản tương đương tiền	112		127.000.000.000	34.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.096.695.066.000	1.130.152.120.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	2.096.695.066.000	1.130.152.120.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218.981.770.876	161.949.204.686
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	163.047.893.663	113.816.463.949
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.942.857.691	906.337.600
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	150.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	49.230.019.522	48.567.126.746
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(239.000.000)	(1.490.723.609)
Hàng tồn kho	140	12	241.147.805.458	204.527.301.974
Hàng tồn kho	141		241.930.778.816	205.515.346.019
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(782.973.358)	(988.044.045)
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.469.139.840	54.342.724.306
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	5.667.260.764	2.926.630.272
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.221.216.553	653.216.253
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19(a)	2.580.662.523	50.762.877.781

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		308.756.253.041	240.768.315.436
Các khoản phải thu dài hạn khác	210		165.180.600	165.180.600
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	165.180.600	165.180.600
Tài sản cố định	220		178.632.865.273	173.860.618.385
Tài sản cố định hữu hình	221	14	176.748.175.345	171.311.199.773
<i>Nguyên giá</i>	222		1.000.035.771.384	983.233.485.520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(823.287.596.039)	(811.922.285.747)
Tài sản cố định vô hình	227	15	1.884.689.928	2.549.418.612
<i>Nguyên giá</i>	228		4.287.000.000	4.287.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.402.310.072)	(1.737.581.388)
Tài sản dở dang dài hạn	240		96.245.983.893	29.181.822.626
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	16	10.919.867.728	29.177.214.626
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	85.326.116.165	4.608.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.937.078.510	31.193.599.941
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	12.126.790.265	12.817.387.796
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(c)	29.845.631.927	29.845.631.927
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(c)	(12.035.343.682)	(11.469.419.782)
Tài sản dài hạn khác	260		3.775.144.765	6.367.093.884
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	3.721.053.648	6.285.957.208
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		54.091.117	81.136.676
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.102.512.892.489	1.853.172.915.690

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		336.708.842.194	314.314.763.916
Nợ ngắn hạn	310		273.926.569.641	252.901.253.725
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	112.044.735.143	88.975.508.060
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.196.489.776	2.851.240.941
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	19(a)	18.148.485.706	1.803.693.902
Phải trả người lao động	314		13.309.387.905	26.584.910.400
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	47.767.137.624	51.784.583.334
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	13.731.139.156	21.121.726.557
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.792.054.259	1.578.351.395
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	64.937.140.072	58.201.239.136
Nợ dài hạn	330		62.782.272.553	61.413.510.191
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	61.459.115.656	60.090.353.294
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.323.156.897	1.323.156.897
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.765.804.050.295	1.538.858.151.774
Vốn chủ sở hữu	410	23	2.765.804.050.295	1.538.858.151.774
Vốn cổ phần	411	24	631.010.000.000	631.010.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		631.010.000.000	631.010.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		152.765.010.503	152.765.010.503
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(87.031.904.704)	(87.083.087.823)
Quỹ đầu tư phát triển	418		80.025.748.531	64.592.292.858
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		561.511.445.810	330.740.262.550
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		314.209.311.295	189.610.112.775
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		247.302.134.515	141.130.149.775
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.427.523.750.155	446.833.673.686
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.102.512.892.489	1.853.172.915.690

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
			Quý 2/ 2021 VND	30/6/2021 VND	Quý 2/ 2020 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	791.106.345.693	1.413.888.324.191	735.481.633.002	1.370.408.298.580
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	514.420.991	1.195.301.108	544.488.072	2.090.958.767
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	26	790.591.924.702	1.412.693.023.083	734.937.144.930	1.368.317.339.813
Giá vốn hàng bán	11	27	536.868.304.751	984.179.460.644	517.070.325.562	972.613.436.840
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		253.723.619.951	428.513.562.439	217.866.819.368	395.703.902.973
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	33.791.225.332	58.330.816.542	21.763.872.727	37.939.984.150
Chi phí tài chính	22	29	603.313.151	603.323.733	2.292.614.626	2.292.627.028
(Lỗ)/lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24		(61.998.980)	354.679.798	(2.129.516.916)	(2.129.516.916)
Chi phí bán hàng	25	30	170.883.479.657	294.055.542.183	154.108.405.098	281.807.647.555
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	13.730.747.460	26.307.380.753	6.721.197.950	16.746.587.092
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		102.235.306.035	166.232.812.110	74.378.957.505	130.667.508.532
Thu nhập khác	31		2.991.941.359	8.275.395.418	630.385.928	1.400.399.170
Chi phí khác	32		7.703.898.495	14.242.136.142	1.810.504.338	2.996.857.776
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(4.711.957.136)	(5.966.740.724)	(1.180.118.410)	(1.596.458.606)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Quý 2/ 2021 VND	Quý 2/ 2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
				30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	97.523.348.899	73.198.839.095	160.266.071.386	129.071.049.926
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 35	8.845.207.228	7.412.691.835	17.987.818.888	13.381.739.459
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52 35	13.522.780	(484.208.216)	27.045.559	(470.685.437)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	88.664.618.891	66.270.355.476	142.251.206.939	116.159.995.904
Phân bổ:					
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61	29.782.949.607	37.732.544.334	52.952.042.644	64.548.289.716
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	58.881.669.284	28.537.811.121	89.299.164.295	51.611.706.188
Lãi trên cổ phiếu					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 36	415	555	724	936

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:

[Handwritten signature]

Hoàng Thị Hà
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trình Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	160.266.071.386	129.071.049.926
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	27.028.005.611	27.879.454.442
Các khoản dự phòng	03	574.556.077	168.791.316
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(13.320.684)	12.381
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(51.939.468.799)	(30.195.536.119)
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	25.627
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	135.915.843.591	126.923.797.573
Biến động các khoản phải thu	09	(17.521.870.747)	(84.983.027.248)
Biến động hàng tồn kho	10	(36.415.432.797)	74.586.439.302
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	5.237.536.349	70.488.627.386
Biến động chi phí trả trước	12	(175.726.932)	11.371.629.452
		87.040.349.464	198.387.466.465
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.027.082.085)	(2.842.306.937)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	173.789.837	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.606.735.319)	(23.983.031.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	73.580.321.897	171.562.127.773
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(91.537.954.564)	(9.047.919.755)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	3.751.709.090	1.090.500.000
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.901.396.725.957)	(885.837.994.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	935.342.894.000	493.254.251.820
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(8.134.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.336.500.000	4.892.024.084
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	41.099.123.327	31.368.774.776
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.011.404.454.104)	(364.288.497.075)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	1.215.206.180.000	-
Tiền trả cổ tức	36	(111.342.000.000)	(86.476.848.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.103.864.180.000	(86.476.848.270)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	166.040.047.793	(279.203.217.572)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	61.433.249.288	333.798.241.469
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.439.807)	(12.381)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	227.462.857.274	54.595.011.516

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21/06/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Báo cáo tài chính hợp nhất quý của Tổng Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con là sản xuất chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và công ty con là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 1 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con và 3 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	30/6/2021		1/1/2021	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con							
1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (*)	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Tỉnh Sơn La	51,00%	32,52%	51,00%	51,00%
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (**)	Cung ứng tinh bò đông lạnh và cung ứng gia súc	Tỉnh Khánh Hòa	-	-	33,75%	33,75%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu súc sản Gia cầm Hải Phòng	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	Tỉnh Hải Phòng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
3	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi	Thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%

(*) Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Tổng Công ty hoàn tất việc mua 1.704.408 cổ phần của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Ngày 4 tháng 2 năm 2021, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng và công bố thông tin về báo cáo kết quả việc tăng vốn, theo đó số lượng cổ phần năm giữ sau giao dịch của Tổng công ty là 35.771.572 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 32,52%. Hiện tại, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu là người do Tổng Công ty đề cử và được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Tổng Công ty xác định Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu là công ty con của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo này theo quy định tại Điều 195.1(b) của Luật doanh nghiệp 2020.

(**) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thanh lý công ty liên kết này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty và công ty con có 838 nhân viên (1/1/2021: 839 nhân viên).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất quý này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất quý, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất quý bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất quý. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 33 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 30 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ Súc vật làm việc và cho sản phẩm	4 – 6 năm
▪ Tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 2 đến 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 18 tháng đến 36 tháng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi

Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được thành lập dựa trên việc gộp ba quỹ: Quỹ Bảo hiểm vật nuôi, Quỹ Bảo hiểm giá sữa và Quỹ Hỗ trợ sản xuất. Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi không thực hiện bất kỳ một hoạt động kinh doanh nào và được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ các hộ nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi như: giá thu mua sữa nguyên liệu giảm nhiều; bò, bê hao hụt hoặc xảy ra dịch bệnh. Đối tượng tham gia Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi là tất cả các hộ chăn nuôi tham gia hợp đồng chăn nuôi bò sữa và hợp đồng mua bán sữa với Công ty. Số tiền đóng góp chỉ phục vụ mục đích nêu trên và không được trả lại cho các hộ khi bị thanh lý hợp đồng, kể cả trong trường hợp các hộ này chấm dứt tham gia vào quỹ, trừ trường hợp giải thể quỹ.

Nguồn thu của Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi là từ các hộ chăn nuôi tự nguyện bao gồm phí hỗ trợ vật nuôi, phí hỗ trợ giá sữa và phí hỗ trợ sản xuất. Mức đóng phí hỗ trợ vật nuôi được quy định cụ thể cho từng loại bò, bê theo con và được thu một năm một lần.

Trong quá trình hoạt động, Quỹ có khoản tiền mặt tạm thời chưa sử dụng có thể được sử dụng để gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng. Lãi phát sinh trên tài khoản tiết kiệm của Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được ghi nhận tăng tương ứng vào tài khoản Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi trên cơ sở thực thu tiền.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và công ty con chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bò sữa. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất quý, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Tổng Công ty trong kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty và công ty con

Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn tại 1 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	57.175.504	97.738.706
Tiền gửi ngân hàng	100.405.681.770	27.335.510.582
Các khoản tương đương tiền (i)	127.000.000.000	34.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	227.462.857.274	61.433.249.288

- (i) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất 3,3% đến 3,5%/năm (1/1/2021: 3,3%/năm).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.042.200.000.000	2.042.200.000.000	1.076.690.494.000	1.076.690.494.000
▪ Tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (ii)	54.495.066.000	54.495.066.000	53.461.626.000	53.461.626.000
	2.096.695.066.000	2.096.695.066.000	1.130.152.120.000	1.130.152.120.000

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng với lãi suất từ 4,9% đến 6,5%/năm (1/1/2021: từ 5% đến 7,8%/năm).

(ii) Bao gồm khoản tiền gửi của Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi có kỳ hạn là 12 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng với lãi suất từ 3,9% đến 5,5%/năm (1/1/2021: từ 4,9% đến 6,4%/năm).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/6/2021				1/1/2021			
	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu súc sản Gia cầm Hải Phòng Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	245.377	30,00%	4.614.583.308	(*)	4.614.583.308	30,00%	4.614.583.308	(*)
Thành phố Hà Nội	491.658	36,00%	12.126.790.265	(*)	491.658	36,00%	11.772.110.468	(*)
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung Khánh Hòa	-	-	-	(*)	81.000	33,75%	1.045.277.328	(*)
			<u>7.933.556.527</u>				<u>8.794.739.646</u>	
			<u>12.126.790.265</u>				<u>12.817.387.796</u>	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2021				1/1/2021					
	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Thực ăn chăn nuôi Trung Ương	1.722.715	17,23%	17.609.383.826	(7.349.915.181)	(*)	1.722.715	17,23%	17.609.383.826	(6.783.991.281)	(*)
Công ty Cổ phần sữa Đà Lạt	425.710	5,35%	7.467.100.000	-	(*)	425.710	5,35%	7.467.100.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(*)	291.264	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	7.730	0,13%	83.719.600	-	(*)		0,13%	83.719.600	-	(*)
			29.845.631.927	(12.035.343.682)				29.845.631.927	(11.469.419.782)	

(*) Theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty cần trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa đánh giá được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty cổ phần sữa Việt Nam	37.207.616.706	7.233.431.100
Bên khác		
Công ty TNHH kinh doanh thương mại Thuận Hưng	6.295.875.795	4.623.711.583
Công ty TNHH Vũ Xuân Bình	5.505.507.648	4.525.826.922
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	4.382.133.916	5.004.516.953
Các khách hàng khác	109.656.759.598	92.428.977.391
	<hr/>	<hr/>
	163.047.893.663	113.816.463.949
	<hr/>	<hr/>

11. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	45.540.616.722	31.952.038.741
Đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi	-	13.763.700.000
Phải thu từ hộ chăn nuôi, khoán chăn nuôi của người lao động	1.613.092.784	1.117.805.810
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu về cổ phần hóa	79.100.000	79.100.000
Phải thu khác	1.468.410.016	1.125.682.195
	<hr/>	<hr/>
	49.230.019.522	48.567.126.746
	<hr/>	<hr/>

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	165.180.600	165.180.600
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi đường	140.195.680	-	-	-
Nguyên vật liệu	105.715.971.134	(746.258.267)	123.242.073.147	(809.522.377)
Công cụ và dụng cụ	2.095.198.539	(36.715.091)	1.202.044.573	(34.115.719)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.747.361.764	-	17.082.673.322	-
Thành phẩm	125.667.669.945	-	63.613.718.777	(144.405.949)
Hàng hóa	564.381.754	-	374.836.200	-
	241.930.778.816	(782.973.358)	205.515.346.019	(988.044.045)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 746 triệu VND nguyên vật liệu, 37 triệu VND công cụ và dụng cụ (1/1/2021: 810 triệu VND nguyên vật liệu, 34 triệu VND công cụ và dụng cụ và 144 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Thuê đất	3.930.412.004	-
Công cụ dụng cụ	1.265.071.500	-
Chi phí quảng cáo	-	1.824.647.954
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	471.777.260	1.101.982.318
	5.667.260.764	2.926.630.272

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	5.857.411.276	428.545.932	6.285.957.208
Tăng trong kỳ	898.840.064	847.935.870	1.746.775.934
Phân bổ trong kỳ	(3.792.716.973)	(518.962.521)	(4.311.679.494)
Số dư cuối kỳ	2.963.534.367	757.519.281	3.721.053.648

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá	294.165.748.871	548.833.675.418	980.872.390	62.505.765.498	72.134.071.630	4.613.351.713	983.233.485.520
Số dư đầu kỳ	1.606.992.727	4.885.950.000	2.963.250.000	3.850.073.537	-	-	13.306.266.264
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển từ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	(917.064.000)	(207.850.000)	(30.769.000)	(847.450.943)	25.634.502.303	-	25.634.502.303
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(20.135.348.760)	-	(22.138.482.703)
Số dư cuối kỳ	294.855.677.598	553.511.775.418	3.913.353.390	65.508.388.092	77.633.225.173	4.613.351.713	1.000.035.771.384
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	223.884.512.761	494.965.591.405	615.132.278	52.627.453.834	35.216.243.756	4.613.351.713	811.922.285.747
Khấu hao trong kỳ	8.285.342.158	10.586.082.965	320.554.956	2.225.656.963	6.244.286.611	-	27.661.923.653
Khác	(1.498.984.840)	200.338.114	-	-	-	-	(1.298.646.726)
Thanh lý, nhượng bán	(917.064.000)	(207.850.000)	(30.769.000)	(847.450.943)	(12.994.832.692)	-	(14.997.966.635)
Số dư cuối kỳ	229.753.806.079	505.544.162.484	904.918.234	54.005.659.854	28.465.697.675	4.613.351.713	823.287.596.039
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	70.281.236.110	53.868.084.013	365.740.112	9.878.311.664	36.917.827.874	-	171.311.199.773
Số dư cuối kỳ	65.101.871.519	47.967.612.934	3.008.435.156	11.502.728.238	49.167.527.498	-	176.748.175.345

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 535.312 triệu VND (1/1/2021: 529.495 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại 30 tháng 6 năm 2021 là 12.780 triệu VND (1/1/2021: 17.094 triệu VND).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	4.287.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.737.581.388
Khấu hao trong kỳ	664.728.684
Số dư cuối kỳ	2.402.310.072
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.549.418.612
Số dư cuối kỳ	1.884.689.928

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có tài sản cố nguyên giá 299 triệu VND (1/1/2021: 299 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển vào tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi bò đủ mười sáu tháng tuổi, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang tăng trong kỳ và số dư cuối kỳ phản ánh các khoản chi phí xây dựng, máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	358.842.704	1.000.000.000
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	1.095.465.000	1.027.640.000
Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	273.811.970	-
Các bên khác		
Các hộ chăn nuôi	38.186.187.288	41.582.180.933
Tetra Pak South East Asia Pte., Ltd.	16.135.931.963	1.145.915.642
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Agro	13.336.550.400	2.186.509.790
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông sản Việt	8.527.186.400	4.329.208.000
Các bên khác	34.130.759.418	37.704.053.695
	<hr/>	<hr/>
	112.044.735.143	88.975.508.060

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	40.178.778.392	-	(37.727.471.957)	2.451.306.435
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	8.357.056.218	(8.357.056.218)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	322.305.907	(322.305.907)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.514.116.676	-	(9.514.116.676)	-
Thuế thu nhập cá nhân	806.746.028	-	(806.494.378)	251.650
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	263.236.685	-	(134.132.247)	129.104.438
	50.762.877.781	8.679.362.125	(56.861.577.383)	2.580.662.523

Các nghĩa vụ thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	73.278.538	38.017.978.887	(38.011.982.686)	79.274.739
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	8.357.056.218	(8.357.056.218)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	322.305.907	(322.305.907)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.027.082.085	17.987.818.888	(10.541.198.761)	8.473.702.212
Thuế thu nhập cá nhân	46.554.277	4.486.236.973	(4.510.508.307)	22.282.943
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.779.002	10.501.070.334	(1.585.623.524)	9.572.225.812
Các loại thuế khác	-	200.125.750	(199.125.750)	1.000.000
	1.803.693.902	79.872.592.957	(63.527.801.153)	18.148.485.706

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ thể hiện số liệu sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại (i)	45.025.958.753	48.274.308.535
Chi phí bảo dưỡng máy móc	2.599.178.871	2.562.779.079
Chi phí khác	142.000.000	947.495.720
	<hr/>	<hr/>
	47.767.137.624	51.784.583.334
	<hr/>	<hr/>

- (i) Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại thể hiện chi phí phải trả cho các khách hàng theo các chương trình khuyến mại Tổng Công ty đang áp dụng.

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

(a) Phải trả, phải nộp khác – ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải trả tiền bổ sung giá sữa	2.800.966.560	10.578.221.508
Kinh phí công đoàn	2.771.712.487	2.317.385.330
Phải trả, thanh toán tạm ứng CBCNV	900.552.218	2.220.861.621
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.257.907.891	6.005.258.098
	<hr/>	<hr/>
	13.731.139.156	21.121.726.557
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả, phải nộp khác – dài hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Quỹ hỗ trợ chăn nuôi	56.804.886.244	55.771.446.244
Quỹ khuyến học, các quỹ khác	1.554.429.412	1.401.507.050
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.099.800.000	2.917.400.000
	<hr/>	<hr/>
	61.459.115.656	60.090.353.294
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	58.201.239.136	58.057.048.774
Trích lập trong kỳ	19.168.846.418	10.879.771.056
Tặng khác	173.789.837	26.468.876
Sử dụng trong kỳ	(12.606.735.319)	(24.009.500.631)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	64.937.140.072	44.953.788.075



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1/1/2020	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận trong kỳ	631.010.000.000	152.765.010.503	(88.517.974.375)	40.998.794.543	243.744.170.992	356.103.742.567	1.336.103.744.230
Phân phối lợi nhuận năm trước (i)	-	-	-	-	64.548.289.716	51.611.706.188	116.159.995.904
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	14.696.427.043	(14.696.427.043)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(37.860.600.000)	-	(37.860.600.000)
Thay đổi do thoái vốn tại công ty liên kết	-	-	163.075.760	-	(8.275.806.448)	(2.603.964.608)	(10.879.771.056)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	25.627	(163.075.760)	(2.902.304)	(4)
Số dư tại ngày 30/6/2020	631.010.000.000	152.765.010.503	(88.354.898.615)	55.695.247.213	247.299.428.130	405.108.581.843	1.403.523.369.074
Số dư tại ngày 1/1/2021	631.010.000.000	152.765.010.503	(87.083.087.823)	64.592.292.858	330.740.262.550	446.833.673.686	1.538.858.151.774
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	52.952.042.644	89.299.164.295	142.251.206.939
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	15.433.455.673	(15.433.455.673)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(9.940.413.627)	(9.228.432.791)	(19.168.846.418)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(111.342.000.000)	(111.342.000.000)
Thay đổi một phần lợi ích trong công ty con hiện hữu không mất kiểm soát (ii)	-	-	-	-	203.244.835.035	(203.244.835.035)	-
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát (ii)	-	-	-	-	-	1.215.206.180.000	1.215.206.180.000
Thay đổi do thoái vốn tại công ty liên kết	-	-	51.183.119	-	(51.183.119)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(642.000)	-	(642.000)
Số dư tại ngày 30/6/2021	631.010.000.000	152.765.010.503	(87.031.904.704)	80.025.748.531	561.511.445.810	1.427.523.750.155	2.765.804.050.295

(i) Trong kỳ, Tổng công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền 10.986.084.091 đồng và quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền 5.493.042.045 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-VLC-ĐHCD Ngày 19 tháng 3 năm 2021. Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (Công ty con của Tổng Công ty) đã thực hiện tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHCD/GBS/2021 ngày 20 tháng 3 năm 2021.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Tổng Công ty hoàn tất việc mua 1.704.408 cổ phần của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Ngày 4 tháng 2 năm 2021, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng và công bố thông tin về báo cáo kết quả việc tăng vốn, theo đó số lượng cổ phần nắm giữ sau giao dịch của Tổng công ty là 35.771.572 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 32,52%. Hiện tại, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu là người do Tổng Công ty đề cử và được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu, Tổng Công ty xác định Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu là công ty con của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo này theo quy định tại Điều 195.1(b) của Luật doanh nghiệp 2020.

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Vốn cổ phần được duyệt	63.101.000	63.101.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	63.101.000	63.101.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	63.101.000	63.101.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Tổng Công ty là:

	Vốn điều lệ		Vốn đã góp	
		%	30/6/2021	1/1/2021
			VND	VND
Công ty Cổ phần GTNfoods	470.031.360.000	74,49%	470.031.360.000	470.031.360.000
Các cổ đông khác	160.978.640.000	25,51%	160.978.640.000	160.978.640.000
	631.010.000.000	100%	631.010.000.000	631.010.000.000

25. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-VLC-ĐHCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông hiện hữu số tiền 600 đồng/cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời hạn chi trả. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, Hội đồng quản trị chưa có quyết định danh sách cổ đông và thời gian chi trả. (2020: Tổng công ty chia cổ tức 2.500 VND/cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (công ty con của Tổng Công ty) đã hoàn tất việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 1.500 VND/cổ phiếu vào ngày 15 tháng 6 năm 2021.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	1.392.209.345.504	1.348.795.099.370
▪ Doanh thu bán hàng hóa	14.462.136.399	12.727.534.820
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.599.009.555	7.304.998.666
▪ Doanh thu khác	617.832.733	1.580.665.724
	<hr/>	<hr/>
	1.413.888.324.191	1.370.408.298.580
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	294.216.620	2.090.958.767
▪ Chiết khấu thương mại	901.084.488	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.412.693.023.083	1.368.317.339.813

27. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Giá vốn của sản phẩm sữa	963.645.087.117	953.605.438.285
▪ Giá vốn bán thuốc thú y, thức ăn gia súc và vật tư khác	12.870.599.322	11.895.199.757
▪ Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.274.800.340	5.777.376.678
▪ Giá vốn của bò, bê giống	5.183.903.178	1.335.422.120
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	205.070.687	-
	<hr/>	<hr/>
	984.179.460.644	972.613.436.840

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.682.373.308	31.368.009.187
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	3.246.677.737	3.427.747.281
Lãi chuyển nhượng phần vốn góp	291.222.671	3.135.993.682
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.328.000	8.234.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	105.214.826	-
	58.330.816.542	37.939.984.150

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	565.923.900	1.582.634.516
Lỗ chuyển nhượng phần vốn góp	-	709.980.131
Khác	37.399.833	12.382
	603.323.733	2.292.627.029

30. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.606.978.772	18.632.639.739
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.855.280	478.633.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	248.895.410	289.311.209
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại	262.351.991.556	227.874.062.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.129.685.796	14.829.352.231
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1.360.713.603	16.769.564.074
Chi phí bằng tiền khác	1.317.421.766	2.934.084.638
	294.055.542.183	281.807.647.555

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	9.901.995.655	9.064.279.807
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.119.885.370	772.390.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.961.556.824	2.636.066.298
Thuế, phí, và lệ phí	2.017.507.483	1.969.700.012
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.700.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.515.784.271	1.754.815.926
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	99.240.144	-
Chi phí khác	2.691.411.006	2.249.334.478
	26.307.380.753	16.746.587.092

32. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.751.709.090	-
Tiền phạt, bồi thường thu được	-	727.685.200
Thu nhập từ nhận hỗ trợ	2.700.000.000	-
Các khoản khác	1.823.686.328	672.713.970
	8.275.395.418	1.400.399.170

33. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.140.516.068	1.468.969.703
Chi phí vật tư, sản phẩm hỏng, hủy, thí nghiệm	-	980.070.539
Chi phí tiêm vắc xin cho Bò của các hộ dân	1.946.300.909	173.194.802
Các khoản khác	5.155.319.165	374.622.732
	14.242.136.142	2.996.857.776

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	947.110.885.663	838.165.997.982
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo	262.351.991.556	227.874.062.064
Chi phí nhân công	62.533.507.190	71.375.011.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.053.405.034	26.448.667.746
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.700.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.226.894.711	58.984.487.635
Chi phí khác bằng tiền	15.530.468.382	16.400.869.492

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	17.987.818.888	13.381.739.459
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Ghi giảm/ (hoàn nhập việc ghi giảm) tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.045.559	(470.685.437)
Chi phí thuế thu nhập	18.014.864.447	12.911.054.022

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	160.266.071.386	129.071.049.926
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	32.053.214.277	25.814.209.985
Chi phí không được khấu trừ	1.648.417.670	408.876.505
Thu nhập miễn thuế	(15.652.650.383)	(12.604.548.441)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	(34.117.117)	(338.767.305)
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(53.942.905)
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(314.773.817)
	18.014.864.447	12.911.054.022

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất ưu đãi 10% là thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (Công ty con của Tổng Công ty), được tính trên toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập nêu tại điểm a,b,c khoản 2, Điều 19 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 thay thế Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Lợi nhuận thuần trong kỳ	52.952.042.644	64.548.289.716
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.268.612.748)	(5.456.769.900)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	45.683.429.896	59.091.519.816
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu) (Thuyết minh 36(b))	63.101.000	63.101.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	724	936

(b) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	63.101.000	63.101.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	63.101.000	63.101.000

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất quý, trong kỳ Tổng Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty mẹ cao cấp nhất		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa	212.678.448.514	139.790.737.350
Mua hàng hóa, dịch vụ	3.215.048.683	483.840.000
Cổ tức đã chia	14.606.685.000	-
Công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần GTNfoods</i>		
Cổ tức đã chia	44.187.598.500	28.201.881.600
Công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Phát triển chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	8.227.555.000	7.948.591.250
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty Bò sữa Việt Nam</i>		
Mua hàng hóa	2.846.256.390	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, thưởng và thù lao	444.000.000	301.000.000

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Bù trừ phải thu về cho vay và dự phòng phải thu	150.000.000	-
Xóa sổ khoản phải thu khác	(1.251.723.609)	-

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo tài chính

Ngày 19 tháng 03 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án sáp nhập và dự thảo hợp đồng Sáp nhập Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTNfoods”) vào Tổng Công ty theo phương án phát hành thêm cổ phiếu của Tổng Công ty cho các cổ đông của GTNfoods để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu GTNfoods đang lưu hành. Tỷ lệ sáp nhập 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTNfoods vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 01 cổ phiếu Tổng Công ty). Ngày 09 tháng 04 năm 2021, Tổng Công ty và GTNfoods đã ký hợp đồng sáp nhập. Hiện tại Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đề nghị Ủy Ban Chứng Khoán thực hiện các thủ tục sáp nhập.

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

